

Ngày <b>31/03/2024</b>	<b>17,400 VNĐ</b>		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	<b>1.5%</b>	<b>5.8%</b>	<b>6.7%</b>

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	15,628 - 17,850
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	434
Số lượng CPLH (CP)	24,949,200
KLGD BQ 20 phiên (CP)	46,991
Sở hữu nước ngoài	20.6%
Beta	0.11
EPS	2,334
P/E	7.5

**DT thuần**  
Q1/24

**110**  
tỷ VNĐ

QoQ: ▼3.00 | -2.5%  
YoY: ▲ 5.00 | 4.9%

**LN trước thuế**  
Q1/24

**18.4**  
tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.30 | 1.8%  
YoY: ▲ 1.10 | 6.5%

**LN sau thuế**  
Q1/24

**14.7**  
tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.40 | 3.1%  
YoY: ▲ 0.90 | 6.8%

**ROA**  
2023

**3.9%**

+/- YoY: ▲ 0.3%

**DT thuần**  
2023

**440**  
tỷ VNĐ

YoY: ▲ 17.0 | 4.0%

**LN trước thuế**  
2023

**72.0**  
tỷ VNĐ

YoY: ▲ 2.80 | 3.9%

**LN sau thuế**  
2023

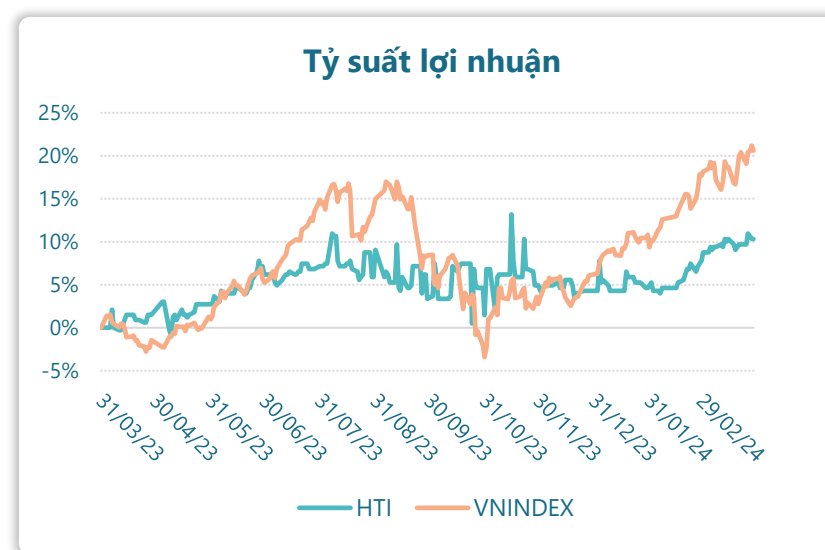
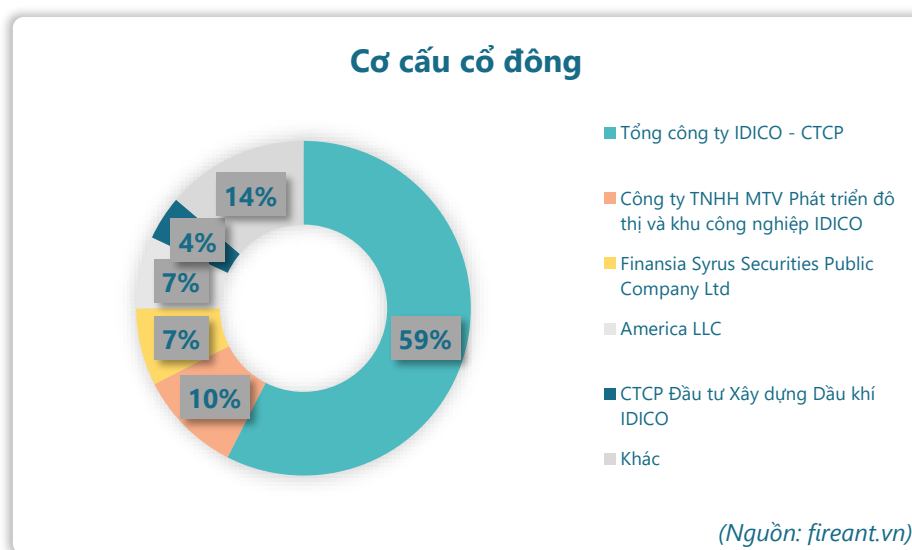
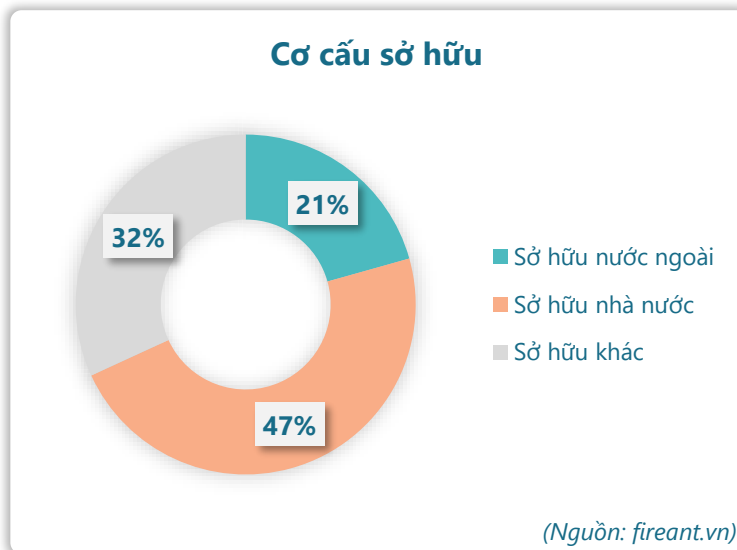
**57.3**  
tỷ VNĐ

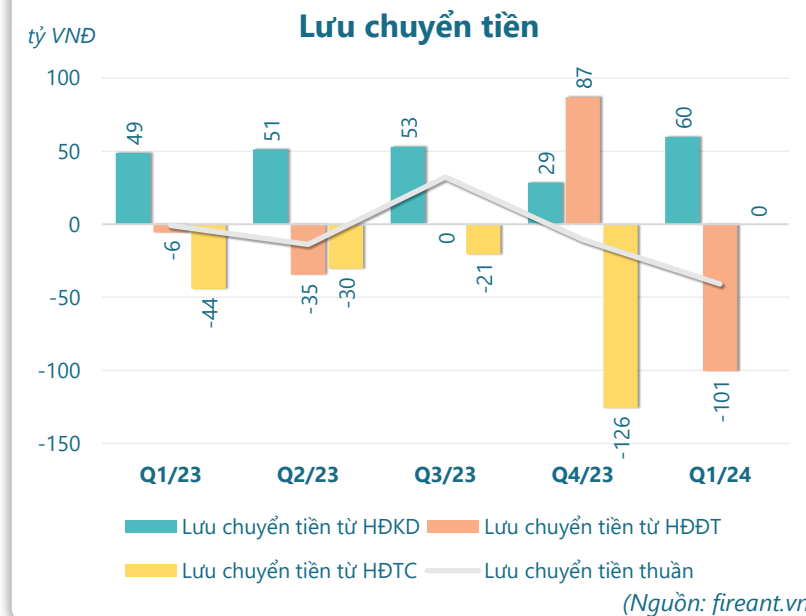
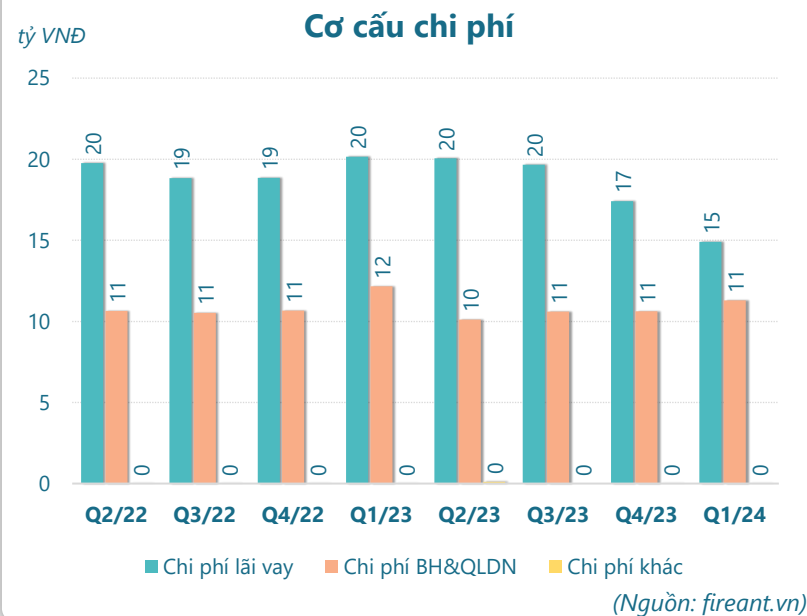
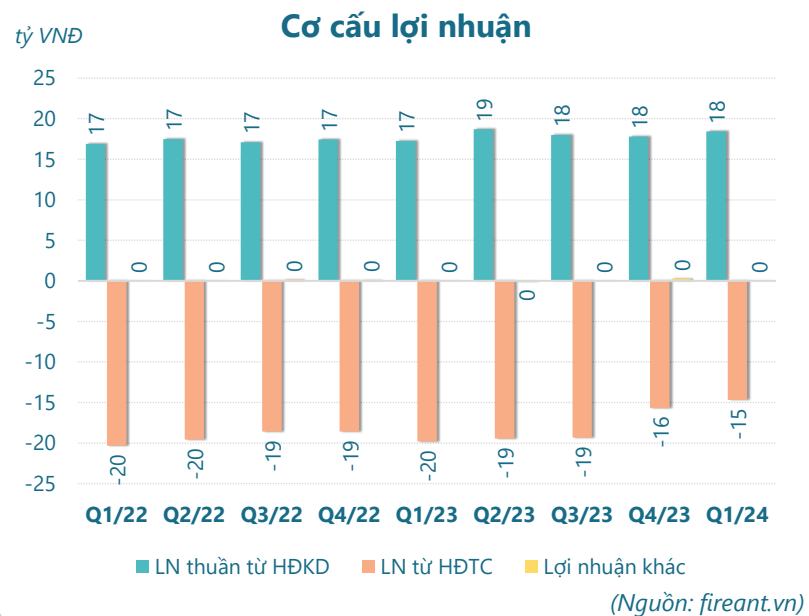
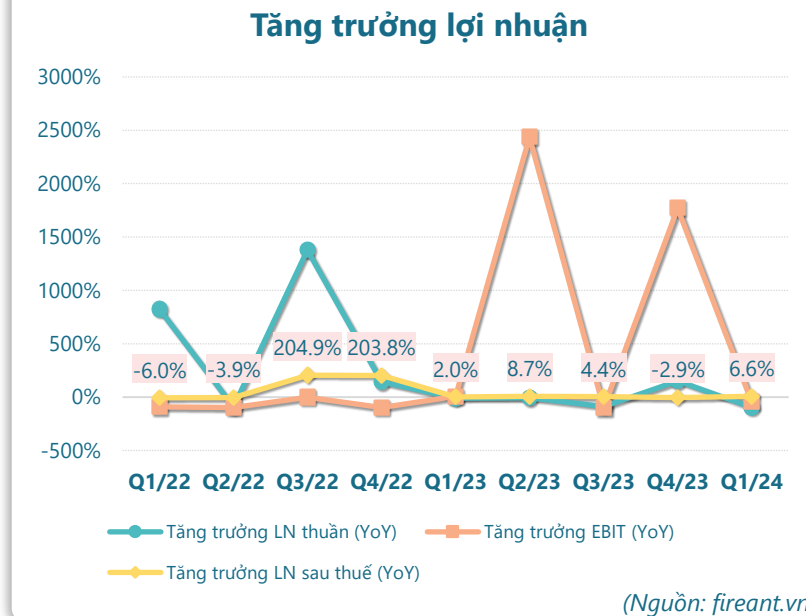
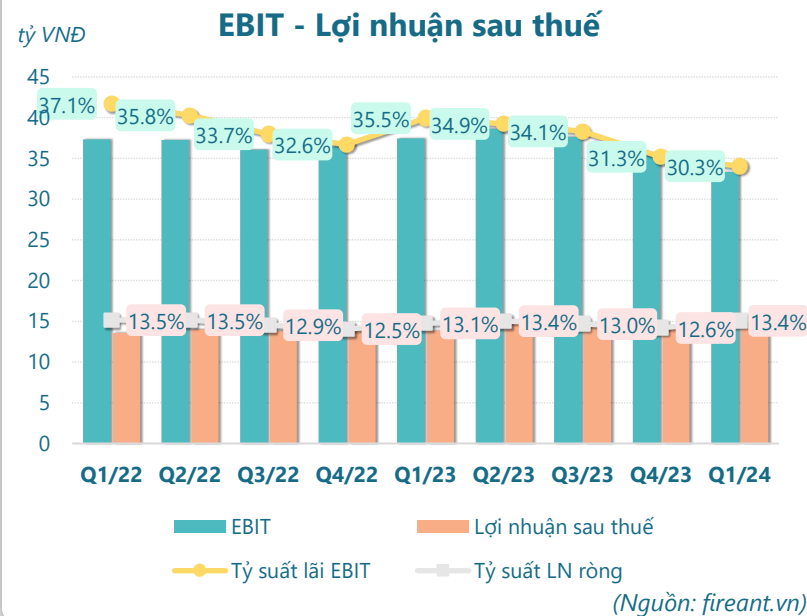
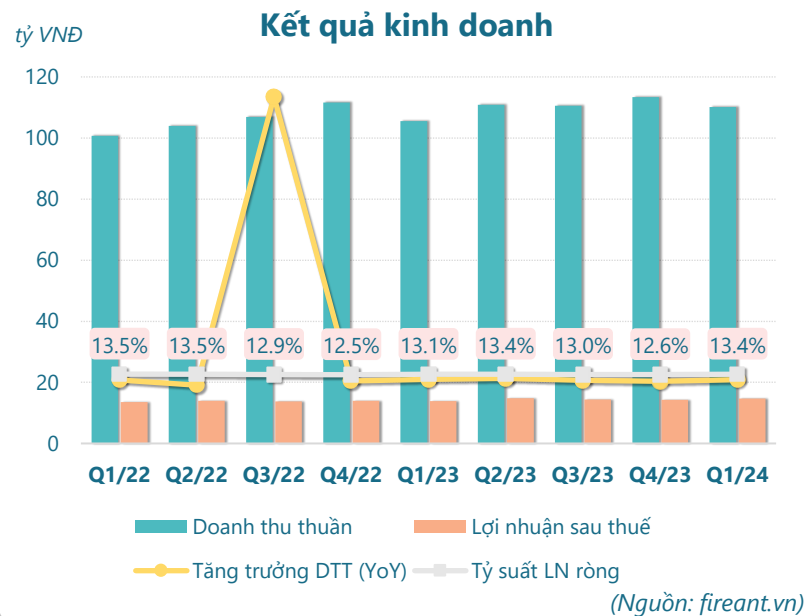
YoY: ▲ 2.00 | 3.7%

**ROE**  
2023

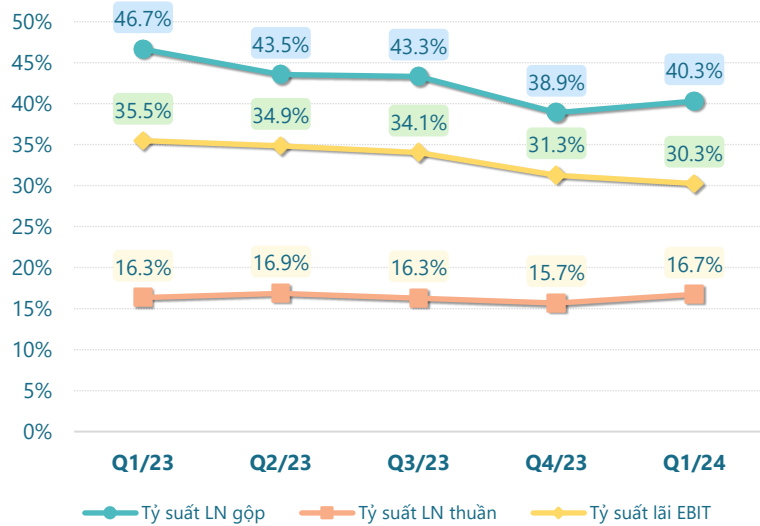
**12.3%**

+/- YoY: ▲ 0.2%



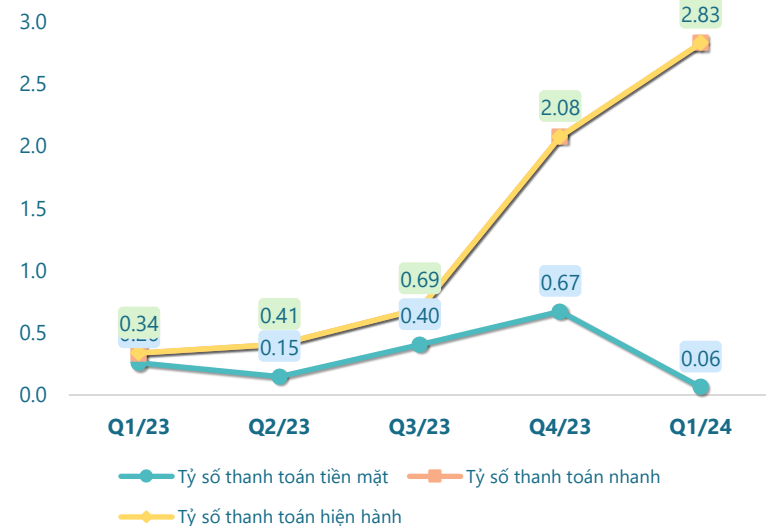


## Tỷ suất lợi nhuận



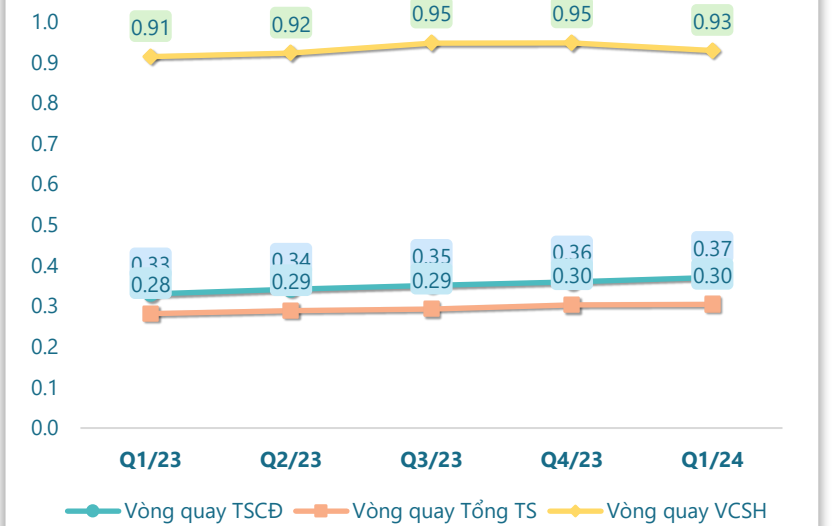
(Nguồn: fireant.vn)

## Chỉ số thanh khoản



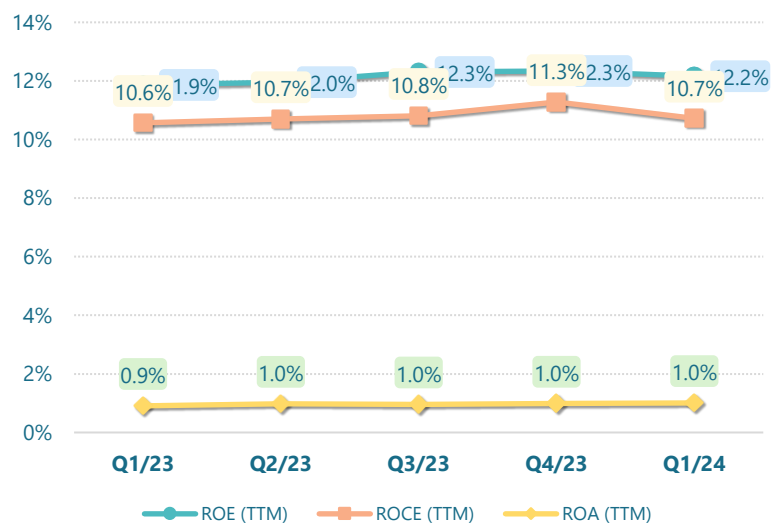
(Nguồn: fireant.vn)

## Vòng quay tài sản



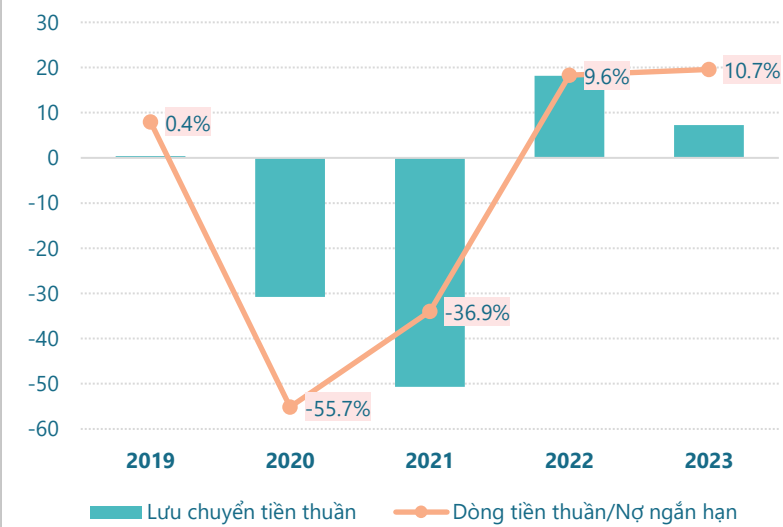
(Nguồn: fireant.vn)

## Tỷ suất sinh lợi



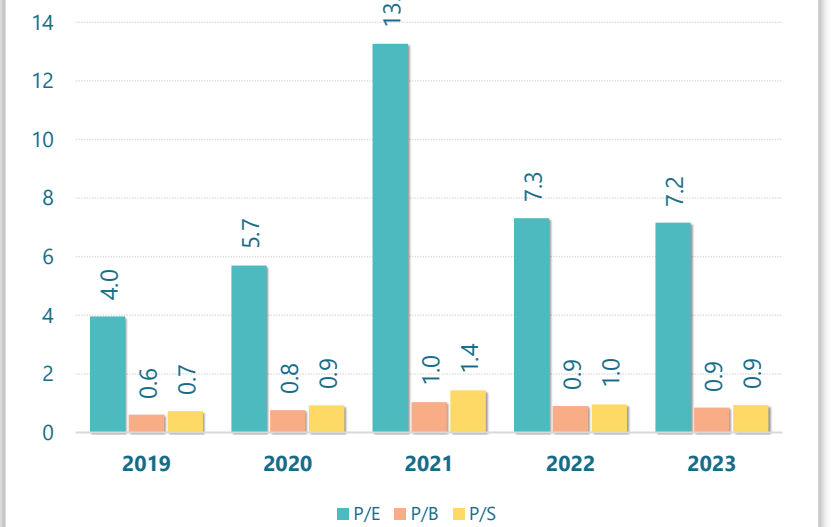
(Nguồn: fireant.vn)

## Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

## Nhóm chỉ số định giá



(Nguồn: fireant.vn)